

Số: 3600 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 307/TTr-SNN ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố và phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 03 thủ tục hành chính. Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số

4626/QĐ-BNN-LN ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quyết định số 4768/QĐ-BNN-CCPT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm).

2. Phê duyệt 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm).

3. Bãi bỏ thủ tục hành chính: Thủ tục “Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)” đã được công bố tại Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Bãi bỏ 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi tiết, có Phụ lục III đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ tổ chức, cá nhân ngay sau khi nhận được Quyết định này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính và xây dựng, gỡ bỏ/thay thế quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành tại tại Điều 1 Quyết định này trong Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Hoàn thành ngay sau khi nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, TTPVHCC (01).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Hùng

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Kèm theo Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chủ tịch của UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP				
1	Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa); - Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa). 	<p align="center">Trung tâm Phục vụ hành chính công Hải Dương</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; - Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

2	<p>Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế</p>	<p>(1) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>(2) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn:</p> <p>+ Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 57 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 37 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công Hải Dương</p>	<p>Không</p>	<p>- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;</p> <p>- Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;</p> <p>- Điều 2 - Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.</p>
---	--	--	--	--------------	---

			<p>tiền phải nộp tiền theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế; 42 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.</p>		
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM VÀ THỦY SẢN					
II					
1	<p>Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản</p>	<p>15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công Hải Dương</p>	<p>Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000</p>	<p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số Thông</p>

Phụ lục II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Kèm theo Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 31 /12/2024 Chủ tịch của UBND tỉnh)

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

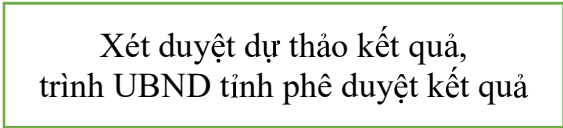
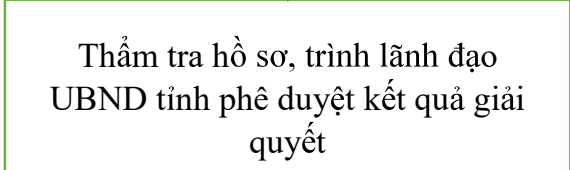
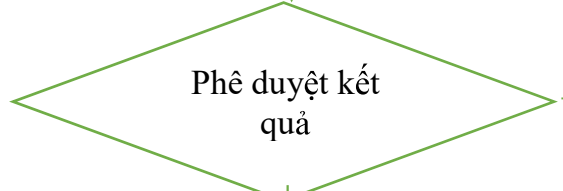
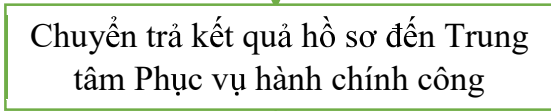
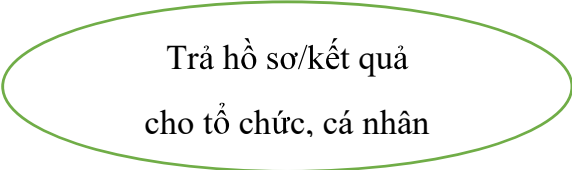
1. Thủ tục: Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế.

1.1. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa);
- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).

1.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ hành chính công và chuyển cho Phòng Nghiệp vụ- Chi cục Kiểm lâm	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	Chuyển ngay sau khi nhận được hồ sơ
B3	Kiểm tra hồ sơ, tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập Hội đồng thẩm định	Chi cục Kiểm lâm	6,5 ngày
B4	Thẩm định hồ sơ Phương án trồng rừng thay thế	Hội đồng thẩm định	10 ngày (25 ngày với trường hợp cần kiểm tra, đánh giá tại thực địa)

B5		Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	03 ngày
B6		Văn phòng UBND tỉnh	07 ngày
B7		Lãnh đạo UBND tỉnh	2,5 ngày
B8		Văn phòng UBND tỉnh	½ ngày
B9		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

1.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

a) Tiếp nhận hồ sơ.

- Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi trực tuyến trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính hoặc Công Dịch vụ quốc gia.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT thường trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ cho chủ dự án gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho chủ dự án và bàn giao hồ sơ cho Văn thư Chi cục trong thời gian ½ ngày.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ;

trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho chủ dự án và nêu rõ lý do.

- Văn thư Chi cục chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ ngay sau khi nhận được hồ sơ

b) Thẩm định và phê duyệt phương án theo quy định.

- Phòng Nghiệp vụ - Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ từ Văn thư Chi cục và tiến hành giải quyết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời gian 01 ngày làm việc, Phòng Nghiệp vụ có trách nhiệm tham mưu lãnh đạo Chi cục thông báo bằng văn bản cho chủ dự án biết và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Trong thời hạn 6,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Nghiệp vụ thẩm định hồ sơ và báo cáo lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập Hội đồng thẩm định.

+ Kể từ khi có Quyết định thành lập, trong thời hạn 10 ngày Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định Phương án trồng rừng thay thế và lập biên bản thẩm định. Trường hợp cần kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa thực hiện trong thời hạn 25 ngày.

+ Trong thời hạn 03 ngày, Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt kết quả thẩm định:

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế; kèm theo dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản cho chủ dự án và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế; dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế của Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng UBND tỉnh thẩm tra hồ sơ và trình lãnh đạo UBND tỉnh.

+ Trong thời hạn 2,5 ngày, lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế kèm theo dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế.

Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban UBND tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chủ dự án.

c) Nhận hồ sơ/trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

Văn phòng UBND tỉnh chuyển kết quả/hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trong thời hạn ½ ngày, bộ phận trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả/hồ sơ trực tiếp hoặc trả qua dịch vụ Bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân.

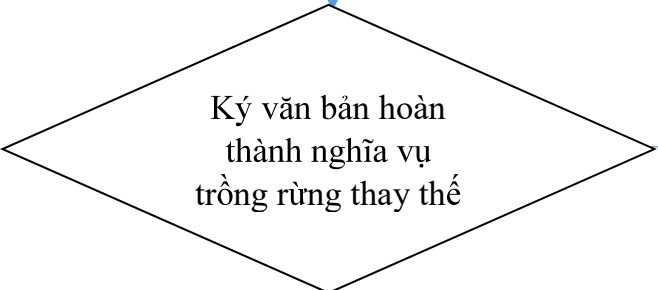
2. Thủ tục Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế.

2.1. Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn:

2.1.1. Thời hạn giải quyết: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ

2.1.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và chuyển cho phòng Nghiệp vụ	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	Chuyển ngay sau khi nhận được hồ sơ
B3	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ tham mưu lãnh đạo Chi cục báo cáo lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Nghiệp vụ, Chi cục Kiểm lâm	1,5 ngày
B4	Xem xét và ký duyệt báo cáo trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN và PTNT	02 ngày
B5	Thẩm tra hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh ký Thông báo chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế	Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày
B6	Ký văn bản chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công chuyển cho Chủ dự án	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày

B7	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> Chủ dự án nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh kể từ ngày nhận Thông báo </div>	Chủ dự án	10 ngày
B8	<div style="text-align: center;">  </div>	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	4,5 ngày
B9	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> Chuyển trả kết quả/hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công </div>	Chi cục Kiểm lâm	½ ngày
B10	<div style="border: 1px solid green; border-radius: 50%; padding: 10px; text-align: center;"> Trả hồ sơ/ kết quả Cho tổ chức, cá nhân </div>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2.1.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

a) Tiếp nhận hồ sơ.

- Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi trực tuyến trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính hoặc Cổng Dịch vụ quốc gia.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT thường trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ cho chủ dự án gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho chủ dự án và bàn giao hồ sơ cho Văn thư Chi cục trong thời gian ½ ngày.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho chủ dự án và nêu rõ lý do.

- Văn thư Chi cục Kiểm lâm chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ – Chi cục Kiểm lâm ngay sau khi nhận được hồ sơ.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

Phòng Nghiệp vụ tiếp nhận hồ sơ từ Văn thư và tiến hành giải quyết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 01 ngày làm việc Phòng nghiệp vụ có trách nhiệm tham mưu lãnh đạo Chi cục thông báo bằng văn bản cho Chủ dự án biết và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn 1,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của chủ dự án, Phòng Nghiệp vụ kiểm tra, thẩm định hồ sơ trên cơ sở diện tích phải trồng rừng thay thế của chủ dự án, đơn giá trồng rừng thay thế của tỉnh tham mưu Lãnh đạo Chi cục báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả.

+ Trong thời hạn 02 ngày lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét kết quả và trình UBND tỉnh ký Thông báo chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế.

+ Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng UBND tỉnh thẩm tra hồ sơ và trình lãnh đạo UBND tỉnh ký Thông báo chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế. Trong thời hạn 01 ngày làm việc Lãnh đạo UBND tỉnh ký Thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp trên cơ sở diện tích phải trồng rừng thay thế của chủ dự án và đơn giá trồng rừng thay thế của tỉnh và chuyển văn bản đến Trung tâm Phục vụ hành chính công chuyển trả cho Chủ dự án.

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp tỉnh, Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế;

+ Trong thời hạn 4,5 ngày kể từ ngày nhận đủ số tiền của chủ dự án nộp, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế.

+ Trong thời hạn ½ ngày Chi cục Kiểm lâm chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển Bộ phận Hướng dẫn tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả/hồ sơ trực tiếp hoặc trả qua dịch vụ Bưu chính công ích cho tổ chức, cá nhân.

2.2. Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế trong trường hợp địa phương không bố trí được đất để trồng rừng:

* Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền.

2.2.1. Thời hạn giải quyết: 57 ngày

- Chấp thuận và hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế: 47 ngày

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ số tiền trồng rừng thay thế.

3.2.2 Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và chuyển cho phòng Nghiệp vụ	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	Chuyển ngay sau khi nhận được hồ sơ
B3	Xem xét, thẩm định hồ sơ, lập hồ sơ đề nghị gửi Bộ NN và PTNT, tham mưu lãnh đạo Chi cục báo cáo lãnh đạo Sở NN và PTNT	Phòng Nghiệp vụ - Chi cục Kiểm lâm	02 ngày
B4	Xem xét trình Lãnh đạo UBND tỉnh hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	02 ngày

B5	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> Xem xét ký văn bản hồ sơ đề nghị gửi Bộ NN và PTNT </div>	UBND tỉnh	2,5 ngày
B6	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> Xem xét, giải quyết hồ sơ gửi UBND tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng </div>	Bộ Nông nghiệp và PTNT	05 ngày
B7	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> Ký văn bản xác nhận về việc bố trí địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng gửi Bộ NN và PTNT </div>	UBND tỉnh	12 ngày
B8	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> Ký văn bản về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế </div>	Bộ Nông nghiệp và PTNT	03 ngày kể từ ngày nhận văn bản UBND tỉnh
B9	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> Ký văn bản về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế chuyển đến TTPVHHC chuyển cho Chủ dự án </div>	UBND tỉnh	05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ NN và PTNT
B10	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> Chủ dự án nộp đủ số tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh kể từ ngày nhận văn bản của UBND tỉnh </div>	Chủ dự án	10 ngày
B11	<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; transform: rotate(45deg); position: relative;"> <div style="position: absolute; top: 50%; left: 50%; transform: translate(-50%, -50%);"> Văn bản hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế </div> </div>	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	4,5 ngày

B12	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; display: inline-block; text-align: center;"> Chuyển trả kết quả/hồ sơ đến Trung tâm phục vụ hành chính công </div>	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	$\frac{1}{2}$ ngày
B13	<div style="border: 1px solid green; border-radius: 50%; padding: 10px; display: inline-block; text-align: center;"> Trả kết quả cho Chủ dự án </div>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2.2.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

a) Tiếp nhận hồ sơ.

- Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi trực tuyến trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính hoặc Cổng Dịch vụ quốc gia.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT thường trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ cho chủ dự án gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho chủ dự án và bàn giao hồ sơ cho Văn thư Chi cục trong thời gian $\frac{1}{2}$ ngày.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho chủ dự án và nêu rõ lý do.

- Văn thư Chi cục chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ – Chi cục Kiểm lâm ngay sau khi nhận được hồ sơ của nhân viên bưu chính.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Nghiệp vụ tiếp nhận hồ sơ từ và tiến hành giải quyết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời gian 01 ngày làm việc Phòng Nghiệp vụ có trách nhiệm tham mưu lãnh đạo Chi cục thông báo bằng văn bản cho Chủ dự án biết.

+ Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Nghiệp vụ thẩm định hồ sơ, lập hồ sơ gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT và tham mưu lãnh đạo Chi cục báo cáo lãnh đạo Sở NN và PTNT.

+ Trong thời hạn 02 ngày lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ Trong thời hạn 2,5 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT, Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét ký văn bản, gửi hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận việc nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế tại địa phương khác.

+ Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản đề nghị UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế cung cấp thông tin về địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng trên địa bàn tỉnh tại thời điểm chủ dự án đề nghị nộp tiền.

+ Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận nguồn kinh phí trồng rừng thay thế có văn bản xác nhận về việc bố trí địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, kèm theo bản sao quyết định phê duyệt đơn giá trồng rừng của tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế.

+ Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền ký văn bản gửi chủ dự án về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế và chuyển văn bản đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để chuyển cho chủ dự án.

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ.

+ Trong thời hạn 4,5 ngày kể từ ngày chủ dự án nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để thực hiện trồng rừng tại địa phương khác và có văn bản gửi chủ dự án thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế.

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ tiền trồng rừng thay thế, Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế theo quy định.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chuyển kết quả/hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trong thời gian ½ ngày, bộ phận trả kết quả

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả/hồ sơ trực tiếp hoặc trả qua dịch vụ Bưu chính công ích cho chủ dự án.

*** Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền**

2.2.1. Thời hạn giải quyết:

- 37 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế;

- 42 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.

2.2.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày
B2	Nhận hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và chuyển cho phòng Nghiệp vụ	Văn thư Chi cục Kiểm lâm	Chuyển ngay sau khi nhận được hồ sơ
B3	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ tham mưu lãnh đạo Chi cục báo cáo lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Nghiệp vụ, Chi cục Kiểm lâm	1,5 ngày
B4	Xem xét và ký duyệt báo cáo trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN và PTNT	02 ngày
B5	Thẩm tra hồ sơ, trình lãnh đạo UBND tỉnh ký Thông báo chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế	Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày

B6	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Ký văn bản chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế chuyển đến Trung tâm phục vụ hành chính công chuyên cho Chủ dự án</p> </div>	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
B7	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Chủ dự án nộp tiền đủ số tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh kể từ ngày nhận văn bản của UBND tỉnh</p> </div>	Chủ dự án	10 ngày
B8	<div style="border: 1px solid green; width: 80%; margin: 0 auto; height: 100px; transform: rotate(45deg); transform-origin: center;"> <p>Văn bản hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế</p> </div>	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	4,5 ngày
	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế</p> </div>	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày
	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Nộp bổ sung số tiền chênh lệch vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế</p> </div>	Chủ dự án	10 ngày
	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Hoàn trả kinh phí chênh lệch bao gồm cả tiền lãi cho chủ dự án theo quy định trường hợp số tiền nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế</p> </div>	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	15 ngày

B9	<div style="border: 1px solid green; padding: 5px; text-align: center;"> Chuyển trả kết quả/hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công </div>	Chi cục Kiểm lâm	½ ngày
B10	<div style="border: 1px solid green; border-radius: 50%; padding: 10px; text-align: center;"> Trả kết quả cho Chủ dự án </div>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

2.2.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

a) Tiếp nhận hồ sơ.

- Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi trực tuyến trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính hoặc Cổng Dịch vụ quốc gia.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT thường trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ cho chủ dự án gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho chủ dự án và bàn giao hồ sơ cho Văn thư Chi cục trong thời gian ½ ngày.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho chủ dự án và nêu rõ lý do.

- Văn thư Chi cục chuyển hồ sơ cho Phòng Nghiệp vụ – Chi cục Kiểm lâm ngay sau khi nhận được hồ sơ của nhân viên bưu chính.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Nghiệp vụ tiếp nhận hồ sơ từ Văn thư và tiến hành giải quyết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời gian 01 ngày làm việc Phòng nghiệp vụ có trách nhiệm tham mưu lãnh đạo Chi cục thông báo bằng văn bản cho Chủ dự án biết và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn 1,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của chủ dự án và cam kết của chủ dự án về nộp đầy đủ số tiền theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, Phòng Nghiệp vụ kiểm tra, thẩm định hồ sơ trên cơ sở diện tích phải trồng rừng thay thế của chủ dự án, đơn giá trồng rừng thay thế của

UBND tỉnh và tham mưu Lãnh đạo Chi cục báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả.

+ Trong thời hạn 02 ngày lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét kết quả và trình UBND tỉnh ký Thông báo về việc chấp thuận nộp tiền.

+ Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng UBND tỉnh thẩm tra hồ sơ và trình lãnh đạo UBND tỉnh ký Thông báo về việc chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế. Trong thời hạn 01 ngày Lãnh đạo UBND tỉnh ký thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp trên cơ sở diện tích phải trồng rừng thay thế của chủ dự án và đơn giá trồng rừng thay thế của tỉnh và chuyển văn bản đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho Chủ dự án.

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp tỉnh, Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ;

+ Trong thời hạn 4,5 ngày kể từ ngày nhận đủ số tiền của chủ dự án nộp, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế.

+ Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, Chủ tịch UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền có văn bản gửi chủ dự án thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế:

Trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ dự án phải nộp bổ sung số tiền chênh lệch vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ. Chủ tịch UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền chỉ đạo chủ dự án nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế theo cam kết của chủ dự án.

Trường hợp số tiền nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi chủ dự án, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ hoàn trả kinh phí chênh lệch bao gồm cả tiền lãi cho chủ dự án theo quy định.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng chuyển kết quả/hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trong thời gian ½ ngày, bộ phận trả kết quả Trung tâm

Phục vụ hành chính công tính trả kết quả/hồ sơ trực tiếp hoặc trả qua dịch vụ Bru chính công ích cho tổ chức, cá nhân.

II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM VÀ THỦY SẢN

1. Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

1.1. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.2. Quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1/2 ngày
B2	Thẩm định hồ sơ trình lãnh đạo Sở ký duyệt Quyết định thành lập đoàn thẩm định	Phòng Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, ký Quyết định thành lập Đoàn thẩm định	Lãnh đạo Sở	01 ngày
B4	Xem xét, đánh giá hồ tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở, lập biên bản thẩm định, thống báo kết quả thẩm định tới cơ sở	Đoàn thẩm định	09 ngày
B5	Thẩm tra biên bản; Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở	02 ngày
B6	Chuyển trả kết quả/hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phòng Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	1/2 ngày
B7	Trả kết quả/ hồ sơ cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian

1.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể.

a) Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoặc Cổng Dịch vụ quốc gia.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và PTNT thường trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ.

- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản trong thời gian 1/2 ngày.

- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì cán bộ tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định, kiểm tra và xem xét hồ sơ; ký duyệt kết quả.

Phòng Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiến hành giải quyết hồ sơ:

- Trong thời gian 02 ngày Phòng Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản thẩm định hồ sơ trình lãnh đạo Sở quyết định thành lập đoàn thẩm định (trong trường hợp hồ sơ hợp lệ). Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt Quyết định thành lập đoàn thẩm định trong thời gian 01 ngày.

- Trong thời hạn 09 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập đoàn thẩm định, Đoàn thẩm định tiến hành Tiến hành thẩm định thực tế: xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở bao gồm nhà xưởng, trang thiết bị, nguồn lực quản lý, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn, kết quả thực hiện; phỏng vấn các đối tượng liên quan, lấy mẫu nếu cần theo quy định. Lập biên bản thẩm định và thông báo kết quả thẩm định tới đại diện cơ sở theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT. Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn thẩm định lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trong thời gian 02 ngày nhận được Biên bản thẩm định Đoàn thẩm định, lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện thẩm tra biên bản (yêu cầu đoàn thẩm định giải trình các nội dung đánh giá nếu cần). Thực hiện Cấp giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT trong trường hợp:

+ Cơ sở đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu trong trường hợp có lấy mẫu kiểm nghiệm trong quá trình thẩm định.

+ Đối với trường hợp kết quả lấy mẫu kiểm nghiệm không đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm, việc cấp Giấy chứng nhận chỉ được thực hiện sau khi cơ sở điều tra nguyên nhân, có biện pháp khắc phục và được Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra đạt yêu cầu.

+ Trường hợp cơ sở có kết quả thẩm định không đạt nhưng có báo cáo khắc phục và được Đoàn thẩm định thẩm tra đạt yêu cầu trong thời hạn cấp Giấy chứng nhận, Cơ quan thẩm quyền thẩm tra và thực hiện việc Cấp giấy chứng nhận.

Trường hợp kết quả thẩm định không đạt và cơ sở không khắc phục trong thời hạn yêu cầu: Cơ quan thẩm quyền ban hành thông báo kết quả thẩm định, không cấp Giấy chứng nhận, đồng gửi Cơ quan quản lý an toàn thực phẩm ở địa phương để giám sát cơ sở không được hoạt động.

- Trong thời gian 1/2 ngày, Phòng Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản chuyển trả kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Nhận hồ sơ/trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

Công chức Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận kết quả thực hiện kiểm tra chuyển kết quả đến Bộ phận Hướng dẫn tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả kết quả/hồ sơ trực tiếp hoặc trả qua dịch vụ bưu chính công tích cho tổ chức, cá nhân.

Phụ lục III
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP	
1	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	Được phê duyệt tại Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương
2	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	
II	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM VÀ THỦY SẢN	
1	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	Được phê duyệt tại Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh